TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-03-2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Giàng A Sủ;
2. Ông Phạm Ức Trai.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh G A Đ sinh năm 1989.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C P, xã C C, huyện S, tỉnh Lào Cai – Có mặt.
2. Bị đơn: Chị L T S sinh năm 1991.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C P, xã C C, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.
3. Người làm chứng: Ông G A D sinh năm 1967.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C P, xã C C, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2022, bản tự khai anh G A Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L T S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Từ khi về chung sống với nhau được một thời gian dài thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, chị S thường xuyên bỏ nhà đi theo trai, không chịu khó làm ăn, hiện nay chị S đang chung sống như vợ chồng và anh cũng đang chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng tại Thôn C P, xã C

C, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sự việc mâu thuẫn xảy ra anh đã khuyên giải chị S nhiều lần nhưng chị không thay đổi vẫn chứng nào tật đấy, thường xuyên bỏ nhà đi. Từ tháng 3 năm 2022 đến nay anh và chị S đã sống ly thân hẳn và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị L T S.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh và chị S có 01 con chung cháu tên là G Q T sinh ngày 22/4/2009 cháu khỏe mạnh phát triển tốt hiện nay vợ chồng ly thân cháu đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu chị S cấp dưỡng. Anh làm nghề lao động tự do thu nhập đảm bảo việc trực tiếp nuôi con mà không cần chị S phải cấp dưỡng. Chị S làm nghề trồng trọt, nay chỗ này mai chỗ khác thu nhập không ổn định và không cao.

- Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bản tự khai chị S thừa nhận thời gian chị và anh Đ về chung sống với nhau từ năm 2008 và cho đến nay chị và anh Đ chưa đăng ký kết hôn với nhau là đúng. Cho đến tháng 3 năm 2022 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa anh Đ và chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, làm ăn phát triển kinh tế và nuôi dậy con nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng mà từ tháng 3 năm 2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn X H S, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai sinh sống cho đến nay, từ đó đến nay chị và anh Đ sống ly thân hẳn không còn quan tâm đến nhau, anh Đ kiện ly hôn chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh Đ vẫn còn nên anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị, chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Chị và anh Đ có với nhau 01 người con chung cháu tên là G Q T sinh ngày 22/4/2009, từ khi chị và anh Đ sống ly thân cháu đang ở với anh Đ, nay anh Đ kiện ly hôn cháu ở với ai là quyền của cháu vì cháu đã trên 07 tuổi, hiện nay chị làm nghề lao động tự do thu nhập bình quân được 4.000.000 đồng/ tháng.

- Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân vì không có đăng ký kết hôn và cũng không tiến hành hòa giải về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên chỉ tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Do bị đơn vắng mặt khi Tòa án kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án đã ra thông báo kết quả phiên họp và tống đạt cho bị đơn.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc tuan theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng

cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh G A Đ và chị L T S.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu G Q T cho anh G A Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không đề cập giải quyết.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, do các đương sự không đăng ký kết hôn và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiên hành hòa giải về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà chỉ tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị S. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự, bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đ và chị S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Việc anh Đ kiện ly hôn quá trình xác minh thu thập chứng chứ thấy rằng hiện nay chị S chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác cùng thôn tên là G A V, còn anh G A Đ đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác cư trú cùng thôn tên là H T T, hiện nay

anh Đ và chị S không còn tình cảm vợ chồng với nhau, đã sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Do anh Đ và chị S không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng; do không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về quan hệ hôn nhân; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Đ và chị S là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Quá trình chung sống anh Đ và chị S có 01 con chung là cháu G Q T sinh ngày 22/04/2009 cháu khỏe mạnh phát triển tốt hiện nay vợ chồng sống ly thân cháu đang trực tiếp ở cùng anh Đ. Sau khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con, còn ý kiến của chị S là do nguyện vọng của cháu T.

Xét thấy cả anh Đ và chị S đều làm nghề lao động tự do, hiện tại cả anh Đ và chị S đều đang chung sống với người khác như vợ, chồng, mức thu nhập của một người lao động tự do trung bình tại địa phương được khoảng 170.000 đồng/ ngày, trung bình được khoảng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) / tháng. Nhưng anh Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu T, còn ý kiến của chị S tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu; cháu T có nguyện vọng được ở cùng bố, khi anh Đ và chị S ly thân cho đến nay cháu T ở cùng anh Đ do anh nuôi dưỡng. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần, về lâu dài và để ổn định cuộc sống của cháu, nên giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Cả anh Đ và chị S đều không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Anh G A Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận anh G A Đ và chị L T S là vợ chồng.

2. *Về nuôi con sau khi ly hôn*: Giao cháu G Q T sinh ngày 22/4/2009 cho anh G A Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. L T S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Anh G A Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006958 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Anh G A Đ đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S M C (2);
- Chi cục THADS H. S M C;
- UBND xã Cán Cấu, H. S M C;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng